

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 01/07/2022.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 biến động tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

Nội dung	6 tháng đầu 2022	6 tháng đầu 2021	Tăng/giảm
BCTC hợp nhất			
- Doanh thu thuần	1.581.672.211.176	808.273.127.270	95,69%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	439.634.539.864	149.142.664.614	194,77%
BCTC công ty mẹ			
- Doanh thu thuần	656.652.642.992	352.478.934.062	86,30%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	296.039.736.668	124.188.483.785	138,38%

Nguyên nhân:

+ Công ty đầu tư thêm tàu HA East và HA West vào tháng 4 và tháng 5/2021 dẫn đến số lượng tàu 6 tháng đầu năm nay nhiều hơn 6 tháng đầu năm trước.

+ Giá cước vận tải nội địa tăng, giá cho thuê tàu tăng mạnh và số tàu cho thuê time charter kỳ này cũng nhiều hơn.

+ Lợi nhuận ghi nhận từ các công ty liên kết cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 gồm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 13 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn, vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 13 được cấp ngày 01 tháng 07 năm 2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thù, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Vũ Thanh Hải	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Hải Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Quang Tiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2017
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021
		Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2022
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Thanh Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0483/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2022, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.634.107.409.610	1.287.237.970.137
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	539.179.692.460	484.732.416.770
1. Tiền	111		380.158.412.460	207.481.206.770
2. Các khoản tương đương tiền	112		159.021.280.000	277.251.210.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		241.649.610.318	87.372.980.427
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	241.649.610.318	87.372.980.427
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		746.399.895.054	633.042.082.092
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	285.307.665.232	233.995.316.855
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	189.099.042.935	209.432.319.623
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50.000.000.000	37.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	223.960.093.331	154.660.539.929
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.966.906.444)	(2.046.094.315)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		85.330.423.595	48.419.634.267
1. Hàng tồn kho	141	V.8	85.330.423.595	48.419.634.267
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.547.788.183	33.670.856.581
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	12.748.942.598	12.069.586.908
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.798.845.585	21.601.269.673
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.701.558.811.621	1.945.107.403.834
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		106.484.150.000	74.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	106.484.150.000	74.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.162.264.281.152	1.535.890.707.186
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.780.834.189.301	1.292.856.919.590
<i>Nguyên giá</i>	222		2.690.274.998.452	2.105.356.805.779
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(909.440.809.151)	(812.499.886.189)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	377.748.187.562	239.098.531.863
<i>Nguyên giá</i>	225		439.180.122.735	267.489.773.742
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(61.431.935.173)	(28.391.241.879)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3.681.904.289	3.935.255.733
<i>Nguyên giá</i>	228		13.554.927.885	13.554.927.885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.873.023.596)	(9.619.672.152)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.635.119.123	6.568.959.439
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	7.635.119.123	6.568.959.439
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		182.721.273.320	147.761.760.195
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	162.270.406.820	127.310.893.695
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20.450.866.500	20.450.866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		242.453.988.026	254.811.977.014
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	242.453.988.026	254.811.977.014
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.335.666.221.231	3.232.345.373.971

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.954.911.855.377	1.330.315.411.554
I. Nợ ngắn hạn	310		836.320.991.239	620.603.862.899
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	133.064.306.641	78.861.911.406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.595.951.526	763.856.819
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	128.159.534.800	53.140.818.010
4. Phải trả người lao động	314		28.707.410.490	28.715.046.180
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	32.638.000.102	28.861.733.938
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	12.140.763.873	15.181.295.259
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	150.906.102.959	142.815.441.175
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	269.157.745.983	233.809.277.118
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.648.342.710	2.648.342.710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	70.302.832.155	35.806.140.284
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.118.590.864.138	709.711.548.655
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	211.000.000.000	151.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	907.590.864.138	558.711.548.655
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.380.754.365.854	1.902.029.962.417
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	2.380.754.365.854	1.902.029.962.417
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		682.958.170.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		682.958.170.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		390.548.782.590	280.492.385.617
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		643.063.655.428	591.761.088.614
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		203.429.115.564	591.761.088.614
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		439.634.539.864	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		472.543.109.677	350.308.330.027
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.335.666.221.231	3.232.345.373.971

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Hào

Trần Thị Thanh Hào

Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.581.672.211.176	808.273.127.270
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.581.672.211.176	808.273.127.270
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	807.676.360.642	570.373.236.199
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		773.995.850.534	237.899.891.071
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.596.506.103	10.567.461.270
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.688.041.266	14.887.954.193
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.621.698.036	14.698.849.029
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		17.959.513.125	5.824.060.858
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	51.263.074.329	40.110.759.507
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		735.600.754.167	199.292.699.499
12. Thu nhập khác	31	VI.6	320.039.769	21.196.338.332
13. Chi phí khác	32	VI.7	19.278.789.144	2.374.140.631
14. Lợi nhuận khác	40		(18.958.749.375)	18.822.197.701
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		716.642.004.792	218.114.897.200
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	129.538.158.484	34.917.797.997
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		587.103.846.308	183.197.099.203
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	V.21	439.634.539.864	149.142.664.614
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.21	147.469.306.444	34.054.434.589
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	6.134	2.014
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	6.134	2.014

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Hào

Trần Thị Thanh Hào

Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		716.642.004.792	218.114.897.200
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	121.886.775.668	68.033.896.378
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(79.187.871)	524.692.569
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(1.264.398.952)	(290.483.714)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(13.035.489.723)	(27.590.129.344)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	23.621.698.036	14.698.849.029
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		847.771.401.950	273.491.722.118
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(257.820.486.719)	(58.847.869.828)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(36.910.789.328)	(22.966.179.943)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		166.194.742.691	93.872.593.973
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.678.633.298	13.377.740.033
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21.485.080.755)	(13.591.104.600)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(81.657.689.918)	(21.478.241.176)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(5.300.000.000)	(4.315.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		622.470.731.219	259.543.260.577
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(734.446.187.500)	(421.154.702.650)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	52.463.381.057
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(261.550.328.521)	(34.880.300.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		94.273.698.630	63.031.789.960
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(17.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.691.537.545	7.603.854.823
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(906.031.279.846)	(332.935.976.810)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	538.723.535.519	217.295.519.087
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(123.455.134.461)	(72.002.405.674)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(32.394.806.750)	(2.955.704.351)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(47.445.464.000)	(64.867.187.550)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		335.428.130.308	77.470.221.512
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		51.867.581.681	4.077.505.279
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	484.732.416.770	221.024.298.549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.579.694.009	(157.463.008)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	539.179.692.460	224.944.340.820

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển và các dịch vụ liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kết quả kinh doanh kỳ này tăng so với kỳ trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu tăng do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu tăng cao, trong kỳ Tập đoàn đưa vào khai thác tàu Hải An City từ ngày 03 tháng 4 năm 2022, đồng thời nhận thêm kết quả kinh doanh của tàu An Biên Bay từ Công ty Cổ phần Vận tải An Biên (Công ty liên kết) theo hợp đồng BCC từ ngày 01 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ cũng ảnh hưởng bởi sự cố tàu Hải An City bị tàu Orion Express va chạm tại vùng biển vịnh Bengal vào ngày 14 tháng 4 năm 2022. Đến thời điểm hiện tại các bên vẫn đang xử lý khắc phục sự cố. Công ty chưa ước tính được tổng giá trị tổn thất phát sinh từ việc khắc phục sự cố này.

Bước đầu, để đảm bảo việc khắc phục sự cố, sửa chữa tàu, nhanh chóng đưa tàu vào khai thác, Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI thống nhất phương án như sau:

- Công ty sẽ chi các khoản chi phí phát sinh liên quan đến sự cố từ khi tàu bị va chạm đến khi tàu rời Chitagong (“sửa chữa tạm thời”);
- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI sẽ chi các khoản chi phí phát sinh từ khi tàu rời Chitagong về đến Singapore hoặc Việt Nam để lên đà sửa chữa đến khi hoàn thành việc sửa chữa (“sửa chữa vĩnh viễn”);
- Việc bồi thường tổn thất sẽ do Tổng Công ty Bảo hiểm PVI xem xét, đánh giá dựa trên các điều khoản hợp đồng bảo hiểm với các khoản chi hợp lý, hợp lệ.

Tính đến ngày 30/6/2022, Công ty đã chi các khoản chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu tại Chitagong hơn 53 tỷ VND. Tổng Công ty Bảo hiểm PVI dự kiến chi phí cứu hộ và sửa chữa tạm thời ở Chitagong khoảng 1 triệu USD (khoảng 23 tỷ VND). Công ty đã tạm hạch toán vào chi phí trong kỳ 30 tỷ VND (xem thuyết minh số VI.7 trang 44). Số chi phí còn lại (khoảng 23 tỷ VND) Công ty tiếp tục làm việc với Tổng Công ty Bảo hiểm PVI để thống nhất số tiền bồi thường.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%	51%

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng	Vận tải hàng hóa	36,16 %	36,89%	36,16 %	36,89 %
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱ⁾	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ⁽ⁱⁱ⁾	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	17,17%	17,17%	34%	34%

(i) Là Công ty liên kết của Công ty con - Công ty TNHH Cảng Hải An.

(ii) Là Công ty liên kết của Công ty con - Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 477 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 470 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chi bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty TNHH Pan Hải An đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính Container là 05 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.369.540.050	1.747.324.634
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	377.788.872.410	205.733.882.136
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	159.021.280.000	277.251.210.000
Cộng	539.179.692.460	484.732.416.770

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ⁽ⁱ⁾	1.494.000.000	22.058.986.216	23.552.986.216	1.494.000.000	15.612.764.091	17.106.764.091
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	12.500.000.000	40.557.647.468	53.057.647.468	12.500.000.000	29.704.129.604	42.204.129.604
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ⁽ⁱⁱⁱ⁾	85.000.000.000	659.773.136	85.659.773.136	68.000.000.000	-	68.000.000.000
Cộng	98.994.000.000	63.276.406.820	162.270.406.820	81.994.000.000	45.316.893.695	127.310.893.695

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 ngày 27 tháng 12 năm 2017, thay đổi lần thứ 4 ngày 23 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 8.100.000.000 VND tương đương 810.000 cổ phần. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu cho người lao động, tăng vốn điều lệ lên 33.050.000.000 VND, tương đương 3.305.000 cổ phần. Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An nhận được 896.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An do Công ty này trả cổ tức bằng cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An nắm giữ 1.195.200 cổ phiếu, tương đương 36,16% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (số đầu năm là 298.800 cổ phiếu, tương đương 36,89% vốn điều lệ).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201244461 thay đổi lần thứ hai ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An là 25.000.000.000 VND, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202133595 ngày 22 tháng 11 năm 2021, thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên có vốn điều lệ là 250.000.000.000 VND, tương đương 25.000.000 cổ phần. Trong kỳ Công ty TNHH Vận tải Container Hải An đã mua thêm 1.700.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên với giá mua là 17.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 8.500.000 cổ phiếu, tương đương 34% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (số đầu năm là 6.800.000 cổ phiếu, tương đương 34% vốn điều lệ).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	<u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u>	<u>Góp vốn trong kỳ</u>	<u>Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ</u>	<u>Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ</u>	<u>Giá trị phần sở hữu cuối kỳ</u>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	17.106.764.091	-	7.492.022.125	(1.045.800.000)	23.552.986.216
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	42.204.129.604	-	13.353.517.864	(2.500.000.000)	53.057.647.468
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	68.000.000.000	17.000.000.000	659.773.136	-	85.659.773.136
Cộng	127.310.893.695	17.000.000.000	21.505.313.125	(3.545.800.000)	162.270.406.820

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	91.325.199.127	61.070.773.142
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	11.833.448.411	20.588.260.960
Công ty liên kết chia cổ tức	1.045.800.000	747.000.000
Chi trả lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	7.430.922.884	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	46.852.331.766	24.517.644.068
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	4.477.509.091	2.482.084.202
Công ty liên kết chia lợi nhuận	2.500.000.000	1.875.000.000
Chia lợi nhuận cho Công ty liên kết (20% vốn góp)	2.900.000.000	2.900.000.000
Chi trả lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	19.464.138.518	3.397.647.176
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty liên kết	6.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	17.277.156.079	-
Mua dầu của Công ty liên kết	32.350.500.000	-
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	6.301.585.953	-
Góp vốn điều lệ vào Công ty liên kết	17.000.000.000	-
Góp vốn theo hợp đồng BCC vào Công ty liên kết	106.410.150.000	-
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty liên kết	13.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾	450.000.000	-	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	20.450.866.500	-	20.450.866.500	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức số tiền 20.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201796751 ngày 03 tháng 7 năm 2017 thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô có vốn điều lệ 3.500.000.000 VND, tương đương 350.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn sở hữu 63.000 cổ phần, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty này, không biến động so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	75.445.826.569	47.372.051.020
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	34.660.226.066	26.197.715.211
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	17.774.037.019	12.651.230.681
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	11.683.093.935	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	8.946.836	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	1.035.101.618	1.001.582.223
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức tại Hải Phòng	10.244.430.855	7.496.643.305
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	39.990.240	24.879.600
Phải thu các khách hàng khác	209.861.838.663	186.623.265.835
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	22.330.900.184	36.637.249.063
Các khách hàng khác	187.530.938.479	149.986.016.772
Cộng	285.307.665.232	233.995.316.855

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	221.005.900
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	221.005.900
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	189.099.042.935	209.211.313.723
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	181.201.024.800	119.698.860.000
Fresh South Shipping S.A.,	-	84.730.678.650
Các nhà cung cấp khác	7.898.018.135	4.781.775.073
Cộng	189.099.042.935	209.432.319.623

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuế đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay đầu tiên phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2020. Các khoản vay này được gia hạn lần thứ 7 thanh toán chậm nhất vào ngày 22/10/2022.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	13.091.602.497	-	208.241.363	-
Phải thu về kết quả hoạt động BCC	12.834.173.443	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	8.611.048.931	-	-	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.688.432.162	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	1.688.432.162	-	-	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	846.260.188	-	-	-
Các khoản chi hộ	257.429.054	-	208.241.363	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	210.868.490.834	-	154.452.298.566	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Kết quả hoạt động BCC	8.446.249.035	-	-	-
Tạm ứng	821.743.600	-	519.212.754	-
Lãi tiền gửi dự thu	448.376.837	-	104.424.659	-
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*)	112.423.676.376	-	112.423.676.376	-
Seacube Containers - Đặt cọc	3.175.695.180	-	3.107.747.520	-
Ký cược, ký quỹ	327.370.000	-	280.370.000	-
Tạm tính doanh thu	58.727.950.989	-	36.442.558.309	-
Chi phí tổn thất sự cố tàu Hai An City chờ bồi thường	23.799.545.914	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.697.882.903	-	1.574.308.948	-
Cộng	223.960.093.331	-	154.660.539.929	-

(*) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" đã được Ủy ban nhân dân

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019 và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BN 981472 ngày 29/5/2020.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	106.410.150.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (*)	106.410.150.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	74.000.000	-	74.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	-	74.000.000	-
Cộng	106.484.150.000	-	74.000.000	-

(*) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (“Bên kiểm soát”) về tiền vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Chi tiết như sau:

	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (Bên kiểm soát)	76.923.000.000	30,00%
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	80.769.150.000	31,50%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (là công ty con)	25.641.000.000	10,00%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	6.410.250.000	2,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.256.400.000	4,00%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	5.128.200.000	2,00%
Công ty TNHH Quỹ TM Holding	51.282.000.000	20,00%
Cộng	256.410.000.000	100%

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Hưng Thịnh	65.089.486	(65.089.486)	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia	99.744.126	(99.744.126)	99.744.126	(99.744.126)
Navigator Marine Corp	1.802.072.832	(1.802.072.832)	1.763.515.406	(1.763.515.406)
Wan hai Lines.,Ltd	39.746.000	-	392.484.324	(117.745.297)
Cộng	2.006.652.444	(1.966.906.444)	2.320.833.342	(2.046.094.315)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.046.094.315	1.425.466.710
Trích lập dự phòng bổ sung	-	524.692.569
Hoàn nhập dự phòng	(79.187.871)	-
Số cuối kỳ	1.966.906.444	1.950.159.279

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	85.195.751.274	-	48.346.039.722	-
Công cụ, dụng cụ	134.672.321	-	73.594.545	-
Cộng	85.330.423.595	-	48.419.634.267	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	3.235.473.660	2.536.768.361
Chi phí đầu nhòm	4.401.404.842	6.611.291.973
Công cụ, dụng cụ	455.947.987	1.860.292.687
Chi phí thi công nạo vét khu nước Cảng Hải An	3.852.028.571	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	804.087.538	1.061.233.887
Cộng	12.748.942.598	12.069.586.908

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.954.236.419	2.801.661.353
Tiền thuê đất (*)	208.842.328.464	211.677.292.200
Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng cảng Hải An	973.046.162	-
Chi phí sửa chữa tài sản	2.885.360.760	3.722.571.360
Phí sửa chữa lên đà tàu	24.957.255.561	35.289.306.458
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.841.760.660	1.321.145.643
Cộng	242.453.988.026	254.811.977.014

- (*) Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m² trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ”) theo hợp đồng số 05.HĐTD/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư với tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	462.658.926.412	338.467.189.989	1.259.875.966.898	4.819.478.262	39.535.244.218	2.105.356.805.779
Mua trong kỳ	-	11.068.969.978	573.160.238.372	-	339.700.000	584.568.908.350
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán XDCB	220.784.323	-	-	-	128.500.000	349.284.323
Phân loại lại	-	-	(723.774.682)	468.418.909	255.355.773	-
Số cuối kỳ	462.879.710.735	349.536.159.967	1.832.312.430.588	5.287.897.171	40.258.799.991	2.690.274.998.452
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.916.808.091	184.785.530.328	4.311.014.334	2.330.626.798	141.136.364	240.485.115.915
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	168.212.477.564	263.108.443.131	361.690.272.563	3.095.351.506	16.393.341.425	812.499.886.189
Khấu hao trong kỳ	11.990.434.135	9.312.860.236	73.120.752.855	469.396.996	2.047.478.740	96.940.922.962
Phân loại lại	-	-	(27.709.845)	-	27.709.845	-
Số cuối kỳ	180.202.911.699	272.421.303.367	434.783.315.573	3.564.748.502	18.468.530.010	909.440.809.151
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	294.446.448.848	75.358.746.858	898.185.694.335	1.724.126.756	23.141.902.793	1.292.856.919.590
Số cuối kỳ	282.676.799.036	77.114.856.600	1.397.529.115.015	1.723.148.669	21.790.269.981	1.780.834.189.301

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.446.172.247.321 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là container thuê tài chính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	267.489.773.742	28.391.241.879	239.098.531.863
Thuê tài chính trong kỳ	171.690.348.993	-	171.690.348.993
Khấu hao trong kỳ	-	33.040.693.294	33.040.693.294
Số cuối kỳ	439.180.122.735	61.431.935.173	377.748.187.562

12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	8.609.912.649	13.554.927.885
Số cuối kỳ	4.945.015.236	8.609.912.649	13.554.927.885
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	4.088.952.649	4.088.952.649
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.532.790.317	7.086.881.835	9.619.672.152
Khấu hao trong kỳ	70.643.076	182.708.368	253.351.444
Số cuối kỳ	2.603.433.393	7.269.590.203	9.873.023.596
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.412.224.919	1.523.030.814	3.935.255.733
Số cuối kỳ	2.341.581.843	1.340.322.446	3.681.904.289
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	670.996.106	578.962.244.550	(578.915.424.830)	717.815.826
Xây dựng cơ bản dở dang	5.897.963.333	569.076.623	-	6.467.039.956
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	450.263.341	-	450.263.341
Cộng	6.568.959.439	579.981.584.514	(578.915.424.830)	7.635.119.123

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	19.576.287.934	2.318.557.223
Công ty Cổ phần Vận tải An Biên	2.337.334.549	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	2.616.759.971	1.869.184.083
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	315.292.069	270.939.931
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	6.730.278.114	92.433.209
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức tại Hải Phòng	71.565.000	80.000.000
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	7.505.058.231	6.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>113.488.018.707</i>	<i>76.543.354.183</i>
PT Indofuels Limited	34.015.198.797	14.464.525.500
Các nhà cung cấp khác	79.472.819.910	62.078.828.683
Cộng	133.064.306.641	78.861.911.406

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	2.647.456.820	50.567.672.166	(42.242.304.865)	10.972.824.121
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.843.028.354	150.699.748.636	(81.657.689.918)	115.885.087.072
Thuế thu nhập cá nhân	3.650.332.836	6.515.446.186	(8.864.155.415)	1.301.623.607
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.113.469.423	(2.113.469.423)	-
Thuế môn bài	-	17.000.000	(17.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	96.652.632	(96.652.632)	-
Cộng	53.140.818.010	210.009.989.043	(134.991.272.253)	128.159.534.800

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
- Cung cấp nước ngọt	5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	8-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2015 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6388338018 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 04 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế tính từ năm thứ tư (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế	129.538.158.484	34.917.797.997
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	22.470.136.303	4.806.120.264
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên kiểm soát hợp tác kinh doanh nộp hộ	(1.308.546.152)	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	150.699.748.636	39.723.918.261

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	3.593.561.521	5.094.932.226
Chi phí trích trước hoạt động khai thác tàu	25.095.332.235	11.969.628.735
Chi phí hoạt động tàu	1.768.010.000	3.406.550.000
Chi phí mua dầu	-	6.946.771.324
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.181.096.346	1.443.851.653
Cộng	32.638.000.102	28.861.733.938

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	105.776.101.421	84.244.081.605
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	105.296.101.421	83.764.081.605
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	10.368.313.410	7.430.922.884
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	21.861.408.083	18.293.273.983
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	40.619.847.700	33.444.520.992
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	32.446.532.228	24.595.363.746
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	480.000.000	480.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	45.130.001.538	58.571.359.570
Kinh phí công đoàn	367.103.239	430.315.551
Bảo hiểm xã hội	43.253.340	12.171.310
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	31.313.595.940	51.225.520.935

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.298.400.000	5.531.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.981.540.900	644.253.900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.126.108.119	728.097.874
Cộng	<u>150.906.102.959</u>	<u>142.815.441.175</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan - Vốn góp hợp tác kinh doanh BCC	161.000.000.000	133.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	35.000.000.000	29.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	56.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	40.000.000.000	37.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	7.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	50.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	<u>211.000.000.000</u>	<u>151.000.000.000</u>

Là khoản phải trả các bên liên quan về vốn góp theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) số 48-HĐHTKD ngày 18/04/2017, số 66/HĐHTKD ký ngày 08/05/2019, số 68/HĐHTKD ký ngày 29/06/2020, số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021, số 02-2021/HKHTKD ký ngày 02/02/2021 và số 03-2021/HĐHTKD ký ngày 25/11/2021. Theo các hợp đồng này, Tập đoàn là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48-HĐHTKD ngày 18/04/2017 vs PL01 ngày 08/05/2017 góp vốn mua tàu Hải An Bell, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	5.000.000.000	6,25%
Cộng	<u>80.000.000.000</u>	<u>100%</u>

Hợp đồng BCC số 66/HĐHTKD ký ngày 08/05/2019 góp vốn mua tàu Hải An Mind, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,67%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	10.000.000.000	13,33%
Cộng	<u>75.000.000.000</u>	<u>100%</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hợp đồng BCC số 68/HĐHTKD ký ngày 29/06/2020 góp vốn mua tàu Hải An View, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	30.000.000.000	30,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30,00%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5,00%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10,00%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	15.000.000.000	15,00%
Cộng	100.000.000.000	100%

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11/01/2021 góp vốn mua tàu Hải An East, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	25.000.000.000	25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	60.000.000.000	60%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.000.000.000	5%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	5.000.000.000	5%
Cộng	100.000.000.000	100%

Hợp đồng 02-2021/HKHTKD ký ngày 02/02/2021 góp vốn mua tàu Hải An West, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	66.000.000.000	60,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	30,00%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	11.000.000.000	10,00%
Cộng	110.000.000.000	100%

Hợp đồng 03-2021/HĐHTKD ký ngày 25/11/2021 góp vốn mua tàu Hải An City, tỷ lệ góp vốn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	127.000.000.000	52,48%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.000.000.000	8,26%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	4,13%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	4,13%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	5.000.000.000	2,07%
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	20,66%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	8,26%
Cộng	242.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	23.807.736.526	56.358.887.069
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	23.807.736.526	46.358.887.069
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	-	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	154.439.239.515	123.988.544.035
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	132.802.766.915	102.590.458.235
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10.063.160.000	10.063.160.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	2.211.312.600	2.166.925.800
Pantos Holding Incorporation	9.362.000.000	9.168.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	90.910.769.942	53.461.846.014
Beacon Intermodal Leasing LLC	30.012.748.692	15.614.450.009
Cai International, INC	13.464.850.141	12.442.203.294
Seaco Global Limited	14.167.171.484	12.999.401.088
Seacube Containers	13.441.853.832	12.405.791.623
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sao Á D.C	19.824.145.793	-
Cộng	269.157.745.983	233.809.277.118

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (*) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 01.2021/HĐCVHM/VCB-HAIAN ngày 18 tháng 01 năm 2021, hạn mức vay là 60.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng.
 - Hợp đồng vay số 01.2021/HĐCVHM/VCB-PANHAIAN ngày 14 tháng 7 năm 2021 để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định; số tiền vay tối đa là 7.000.000.000 VND. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	56.358.887.069	123.988.544.035	53.461.846.014	233.809.277.118
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	26.819.686.526	-	-	26.819.686.526
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	94.534.992.872	64.104.185.492	158.639.178.364
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(59.370.837.069)	(64.084.297.392)	(26.655.261.564)	(150.110.396.025)
Số cuối kỳ	23.807.736.526	154.439.239.515	90.910.769.942	269.157.745.983

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	597.424.880.207	341.612.183.039
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	576.745.742.057	314.829.098.689
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính ⁽ⁱⁱ⁾	20.126.310.000	25.157.890.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	552.828.150	1.625.194.350
Vay dài hạn các tổ chức khác	18.724.000.000	27.504.000.000
Pantos Holding Incorporation ^(iv)	18.724.000.000	27.504.000.000
Nợ thuê tài chính	291.441.983.931	189.595.365.616
Beacon Intermodal Leasing LLC ^(v)	95.809.202.115	48.373.240.582
Cai International, INC ^(vi)	39.132.228.091	46.363.300.722
Seaco Global Limited ^(vii)	42.458.627.606	49.674.148.775
Seacube Containers ^(viii)	38.033.578.139	45.184.675.537
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sao Á D.C ^(ix)	76.008.347.980	-
Cộng	907.590.864.138	558.711.548.655

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 2 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardel GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby (Hải An Mind).
- Hợp đồng tín dụng số 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09 tháng 04 năm 2021 để mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 15 tháng 04 năm 2021. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15 tháng 7 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển HAIAN WEST theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 01.2021/HĐTC/VCB-XDHA.
- Hợp đồng tín dụng số 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021 để đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 9.604.886.250 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của mỗi giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được cố định trong 2 năm đầu, từ năm thứ ba trở đi lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng 2 xe nâng Kalmar.
 - Hợp đồng tín dụng số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022 số tiền 341.950.000.000 VND, mục đích vay để đầu tư dự án tàu container Marine Bia, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên trên giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được cố định trong 2 năm đầu, từ năm thứ ba trở đi lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/09/2022. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển HAIAN CITY theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 02.2022/HĐTC/VCB-XDHA.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng vay số 01.2021/HĐCV/VCB-HACT để mua tàu: HAIAN EAST, số tiền vay tối đa là 73.880.400.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất cho vay cố định 2 năm đầu. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản hình thành trong tương lai là tàu container HAIAN EAST.
- Hợp đồng vay số 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12 tháng 9 năm 2018 để đầu tư thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An, số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng với lãi suất cho vay năm đầu: 7,9%/năm; từ năm thứ 2 đến năm thứ 4 là lãi cơ sở +2,2%/năm; từ năm thứ 5 trở đi là lãi cơ sở +2,5%, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải).
 - Hợp đồng vay số 01.2021/HĐCV/VCB-PANHAIAN ngày 14 tháng 7 năm 2021 để tài trợ chi phí đầu tư phương tiện, thiết bị nâng cao năng lực khai thác kho; số tiền vay tối đa là 13.404.000.000 VND với lãi suất vay 2 năm đầu là 7,8%/năm, từ năm thứ 3 bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng +2,8%/năm. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản, thiết bị thuộc dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất, quyền khai thác kho bãi hình thành từ dự án, máy móc thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải).
- (ii) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VND, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 để đầu tư 200 Container 40 feet phục vụ hoạt động vận tải biển với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không có thời gian ân hạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay Pantos Holding Incorporation theo Hợp đồng vay số 01/HĐVV/PANTOS-PANHAIAN ngày 06/03/2020 với số tiền 2.000.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay (ngày 26/03/2020) và có thể trả nợ gốc một lần hoặc nhiều lần. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (v) Thuê tài chính của Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC theo hợp đồng sau:
- Thuê 300 container 40HC theo Lease Schedule No. HCT-002 ngày 01/11/2019 với giá thuê là 1,99 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 01/02/2020. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô 300 container 40HC với giá 1 USD/cont.
 - Thuê 300 container 40HC theo Lease Schedule No. HCT-003 ngày 14/04/2021 với giá thuê là 4,19 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 01/11/2021. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô 300 container 40HC với giá 1 USD/cont.
 - Thuê 200 container 20 Dry Standard và 300 container 40 Dry High Cube theo Lease Schedule No. HCT-004 ngày 18/01/2022 với giá thuê lần lượt là 2,4 USD/cont/ngày và 4,07 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 30/04/2022. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô 200 container 20 Dry Standard và 300 container 40 Dry High Cube với giá 1 USD/cont.
- (vi) Thuê tài chính lô 300 container 20DC và 200 container 40HC của Công ty CAI International, Inc theo hợp đồng HAIN-550 ngày 12/05/2021 với giá thuê lần lượt là 2,33 USD/cont/ngày và 3,95 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (vii) Thuê tài chính lô 300 container 20 Box Standard và 200 container 40HC của Công ty Seaco Global Limited theo hợp đồng Lease Number - 182972 ngày 01/01/2021 với giá thuê lần lượt là 2,45 USD/cont/ngày và 4,17 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.
- (viii) Thuê tài chính lô 300 container 20DC và 300 container 40HC của Công ty Seacube Containers LLC theo thỏa thuận ngày 12/11/2020 và phụ lục số HATS001 ngày 16/04/2021 với giá thuê lần lượt là 1,81 USD/cont/ngày và 3,11 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.
- (ix) Thuê tài chính lô 400 container 40HC (BW4) và 200 container 20 Box Standard (BX2) của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C theo hợp đồng thuê số HDTMTTC/SAOAD.C-HACT ngày 01/04/2022 với giá thuê lần lượt là 4,52 USD/cont/ngày và 2,65 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	742.502.119.722	145.077.239.515	566.540.510.027	30.884.370.180
Vay dài hạn các tổ chức khác	28.086.000.000	9.362.000.000	18.724.000.000	-
Nợ thuê tài chính	382.352.753.873	90.910.769.942	291.441.983.931	-
Cộng	1.152.940.873.595	245.350.009.457	876.706.493.958	30.884.370.180
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	456.432.727.074	114.820.544.035	298.703.812.859	42.908.370.180
Vay dài hạn các tổ chức khác	36.672.000.000	9.168.000.000	27.504.000.000	-
Nợ thuê tài chính	243.057.211.630	53.461.846.014	189.595.365.616	-
Cộng	736.161.938.704	177.450.390.049	515.803.178.475	42.908.370.180

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Vay tổ chức</u>			<u>Cộng</u>
	<u>Vay ngân hàng</u>	<u>khác</u>	<u>Nợ thuê tài chính</u>	
Số đầu năm	341.612.183.039	27.504.000.000	189.595.365.616	558.711.548.655
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	340.213.500.000	-	171.690.348.993	511.903.848.993
Số tiền vay đã trả	-	-	(5.739.545.186)	(5.739.545.186)
Số kết chuyển	(85.172.992.872)	(9.362.000.000)	(64.104.185.492)	(158.639.178.364)
CLTG do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ	772.190.040	582.000.000	-	1.354.190.040
Số cuối kỳ	597.424.880.207	18.724.000.000	291.441.983.931	907.590.864.138

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23.415.895.850	27.449.691.871	(1.680.000.000)	49.185.587.721
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	12.390.244.434	12.347.000.000	(3.620.000.000)	21.117.244.434
Cộng	35.806.140.284	39.796.691.871	(5.300.000.000)	70.302.832.155

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(22.905.485.178)	235.778.070.809	252.444.167.284	267.045.737.339	1.335.796.613.176
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	149.142.664.614	34.054.434.589	183.197.099.203
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	34.312.000.000	(46.321.000.000)	-	(12.009.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(47.392.798.000)	(19.800.000.000)	(67.192.798.000)
Số dư cuối kỳ trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(22.905.485.178)	270.090.070.809	307.873.033.898	281.300.171.928	1.439.791.914.379
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	191.640.648.159	-	280.492.385.617	591.761.088.614	350.308.330.027	1.902.029.962.417
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	439.634.539.864	147.469.306.444	587.103.846.308
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	110.056.396.973	(144.418.562.050)	(5.434.526.794)	(39.796.691.871)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(48.782.751.000)	(19.800.000.000)	(68.582.751.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	195.130.660.000	-	-	-	(195.130.660.000)	-	-
Số dư cuối kỳ này	682.958.170.000	191.640.648.159	-	390.548.782.590	643.063.655.428	472.543.109.677	2.380.754.365.854

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Chủ sở hữu (*)	682.958.170.000	487.827.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.640.648.159	191.640.648.159
Cộng	874.598.818.159	679.468.158.159

(*) Trong kỳ Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:10 (cổ đông hiện hữu sở hữu 10 cổ phần được nhận 4 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 18 tháng 3 năm 2022. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 195.130.660.000 VND. Ngày 01 tháng 7 năm 2022 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 682.958.170.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.295.817	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	68.295.817	48.782.751
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	68.295.817	48.782.751
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 0203-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:
- Cổ tức bằng tiền (1.000 VND/cổ phiếu)	: 48.782.751.000
- Cổ tức bằng cổ phiếu (4.000 VND/cổ phiếu)	: 195.130.660.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (20% lợi nhuận sau thuế)	: 82.315.000.000
• Trích quỹ hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế)	: 12.347.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế)	: 16.463.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	9.972.464,46	4.493.413,93
Euro (EUR)	274,53	279,99

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	1.372.351.037.805	648.597.969.255
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	112.182.073.462	103.432.366.962
Doanh thu hoạt động khác	97.139.099.909	56.242.791.053
Cộng	1.581.672.211.176	808.273.127.270

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	97.156.548	103.389.566
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	3.191.641.814	2.814.295.824
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	30.539.118.219	22.668.741.141
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	197.059.548	22.581.682
Công ty Cổ phần Hải Minh	18.997.475	-
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	4.732.122.583	-

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	725.821.103.434	501.558.788.975
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	37.717.081.722	39.864.332.203
Giá vốn của hoạt động khác	44.138.175.486	28.950.115.021
Cộng	807.676.360.642	570.373.236.199

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.709.963.696	2.449.088.645
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	155.689.300	157.087.294
Lãi tiền cho vay	2.779.726.027	1.192.767.123
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.545.800.000	3.422.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.558.928.128	3.046.743.869
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.846.398.952	299.774.339
Cộng	19.596.506.103	10.567.461.270

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.621.698.036	14.698.849.029
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	484.343.230	179.814.539
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	582.000.000	9.290.625
Cộng	24.688.041.266	14.887.954.193

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	33.713.845.104	23.209.773.774
Chi phí vật liệu quản lý	895.154.093	637.757.454
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.068.906.929	795.348.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.045.036.926	1.220.015.132
Thuế, phí và lệ phí	70.578.364	53.792.452
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(79.187.871)	524.692.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.877.081.061	2.724.541.161
Các chi phí khác	11.671.659.723	10.944.837.992
Cộng	51.263.074.329	40.110.759.507

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	20.526.273.576
Phí bảo hiểm tàu được hoàn trả	-	390.859.948
Thu nhập khác	320.039.769	279.204.808
Cộng	320.039.769	21.196.338.332

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí bảo hiểm tàu thanh lý	-	355.993.988
Chi phí ủng hộ	-	2.000.000.000
Phạt lĩnh vực hành chính	70.000.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	186.628.105	2.664.588
Chi phí liên quan đến sự cố tàu Hai-an City (*)	18.309.163.050	-
Chi phí khác	712.997.989	15.482.055
Cộng	19.278.789.144	2.374.140.631

(*) Chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai-an City đã được phân chia cho các bên theo hợp đồng BCC số 03-2021/HĐHTKD ký ngày 25 ngày 11 năm 2021 như sau:

Tạm tính chi phí khắc phục sự cố tàu Hai-an City	30.000.000.000
Mức khấu trừ theo đơn bảo hiểm	138.540.000
Chia chi phí BCC cho các bên góp vốn	(11.829.376.950)
Cộng	18.309.163.050

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	439.634.539.864	149.142.664.614
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% LNST)	(11.841.589.467)	(8.231.500.000)
Trích thưởng Hội đồng quản trị (3% LNST)	(8.881.192.100)	(6.173.500.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	418.911.758.297	134.737.664.614
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	68.295.817	66.905.864
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.134	2.014

- (i) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng quản trị được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt là 4% và 3% lợi nhuận sau thuế năm nay. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm 2021.

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	48.782.751	47.392.798
Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu	19.513.066	19.513.066
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	68.295.817	66.905.864

11b. Thông tin khác

Ngày 24 tháng 05 năm 2022 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này.

Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 2.964 VND xuống còn 2.014 VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	271.561.579.940	212.808.129.262
Chi phí nhân công	103.625.494.052	74.611.689.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.886.775.668	68.033.896.378
Chi phí thuê đất	2.834.963.736	2.834.963.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.645.925.862	170.687.191.484
Chi phí khác	113.384.695.713	81.508.125.387
Cộng	858.939.434.971	610.483.995.706

- (*) Chi tiết chi phí khấu hao tài sản cố định như sau:

	Số tiền (VND)
Khấu hao TSCĐ do Công ty quản lý và sử dụng	130.234.967.700
Chi phí khấu hao hoạt động BCC phân chia cho các đơn vị	(31.587.020.435)
Chi phí khấu hao hoạt động BCC nhận phân bổ	23.238.828.403
Cộng	121.886.775.668

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ bằng cách chia cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 195.130.660.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 450.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 270.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Phụ cấp khác</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ này						
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	846.369.231	1.066.955.324	60.000.000		1.973.324.555
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	585.900.000	756.296.174	60.000.000		1.402.196.174
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT		90.000.000	60.000.000		150.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	431.400.000	479.875.000	60.000.000		971.275.000
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT	223.450.000	205.163.000	60.000.000	7.700.000	496.313.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT		90.000.000	60.000.000		150.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS		54.000.000	30.000.000		84.000.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS		36.000.000	30.000.000		66.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS	78.946.440	127.623.000	30.000.000	3.542.000	240.111.440
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	318.900.000	316.743.321		1.966.800	637.610.121
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	366.160.000	297.515.737			663.675.737
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	314.400.000	84.965.277			399.365.277
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	313.200.000	252.465.175			565.665.175
Cộng		3.478.725.671	3.857.602.008	450.000.000	13.208.800	7.799.536.479

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Phụ cấp khác	Cộng thu nhập
Kỳ trước						
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	684.830.772	853.463.125	36.000.000		1.574.293.897
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	456.500.000	597.355.936	36.000.000		1.089.855.936
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT		60.000.000	36.000.000		96.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	291.919.500	288.440.000	36.000.000		616.359.500
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT	248.400.000	206.400.000	36.000.000	7.700.000	498.500.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT	308.420.000	272.281.993	36.000.000		616.701.993
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS		36.000.000	18.000.000		54.000.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS		24.000.000	18.000.000		42.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS	189.014.000	106.003.000	18.000.000	7.700.000	320.717.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	204.240.000	174.042.762			378.282.762
Cộng		2.383.324.272	2.617.986.816	270.000.000	15.400.000	5.286.711.088

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistics (Việt Nam) Ltd	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	2.054.058.700	2.293.912.919
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	4.371.794.500	242.413.755
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC	6.000.000.000	16.000.000.000
Chi trả lợi nhuận BCC	34.615.385.527	5.337.853.127
Sử dụng dịch vụ cho thuê văn phòng	1.808.061.286	1.671.358.803
HATS trả cổ tức	5.567.500.000	5.567.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức		
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC	3.000.000.000	5.000.000.000
Chi trả lợi nhuận BCC	25.380.925.186	4.118.475.525
Chia lợi nhuận (20%/vốn góp)	5.200.000.000	5.200.000.000
HATS trả cổ tức	1.722.060.000	1.722.060.000
Lãi cho vay phải thu	84.821.917	
Sử dụng dịch vụ đại lý	15.371.930.186	9.314.158.862
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	43.636.367	40.909.090
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	17.419.634.593	7.858.290.902
Sử dụng dịch vụ bảo trì phần mềm	195.000.000	180.000.000
Mua phần mềm quản lý bãi cont và kho CFS	-	1.800.000.000

Công ty Cổ phần Cánh đồng xanh

HATS trả cổ tức

- 1.503.200.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.14, V.16 và V.18.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.372.351.037.805	112.182.073.462	97.139.099.909	1.581.672.211.176
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.372.351.037.805	112.182.073.462	97.139.099.909	1.581.672.211.176
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	646.529.934.371	74.464.991.740	53.000.924.423	773.995.850.534
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(51.263.074.329)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				722.732.776.205
Doanh thu hoạt động tài chính				19.596.506.103
Chi phí tài chính				(24.688.041.266)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				17.959.513.125
Thu nhập khác				320.039.769
Chi phí khác				(19.278.789.144)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(129.538.158.484)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				587.103.846.308
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	753.909.099.048	4.242.247.778	2.034.779.414	760.186.126.240
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	116.795.827.729	11.690.777.256	17.683.936.277	146.170.541.262
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	648.597.969.255	103.432.366.962	56.242.791.053	808.273.127.270
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	648.597.969.255	103.432.366.962	56.242.791.053	808.273.127.270
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	147.039.180.280	63.568.034.759	27.292.676.032	237.899.891.071
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(40.110.759.507)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				197.789.131.564
Doanh thu hoạt động tài chính				10.567.461.270

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí tài chính				(14.887.954.193)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				5.824.060.858
Thu nhập khác				21.196.338.332
Chi phí khác				(2.374.140.631)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(34.917.797.997)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				183.197.099.203
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	392.754.973.230	6.909.175.391	5.914.734.993	405.578.883.614
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	61.325.319.474	12.206.453.654	15.611.341.967	89.143.115.095
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:				
	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.903.609.297.454	195.904.973.092	476.894.270.389	3.576.408.540.935
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				759.257.680.296
Tổng tài sản				4.335.666.221.231
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.542.168.363.414	10.023.565.059	264.731.595.151	1.816.923.523.624
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				137.988.331.753
Tổng nợ phải trả				1.954.911.855.377
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.879.832.234.122	188.351.769.721	497.264.264.955	2.565.448.268.798
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				666.897.105.173
Tổng tài sản				3.232.345.373.971
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	920.014.451.724	15.025.115.708	315.923.164.151	1.250.962.731.583
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				79.352.679.971
Tổng nợ phải trả				1.330.315.411.554

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải





**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn